

# Kiến thức, Thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm khi thực tập của sinh viên Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Minh Thị Thùy Trang<sup>1</sup>, Nguyễn Minh Tân<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng Ngọc<sup>1</sup>,  
Huỳnh Kiến Trọng<sup>1</sup>, Phan Hồng Thảo Vy<sup>1</sup>, Trần Phước Thịnh<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học có kiến thức và thái độ đúng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan về nguy cơ mắc và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm khi thực tập. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang bằng bảng câu hỏi điền có cấu trúc trên 297 sinh viên Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học năm thứ 3, 4 tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức chung đúng về nguy cơ mắc và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm khi thực tập đạt 53,9% (160/297) và đạt thái độ chung đúng đạt 55,6% (165/297). Có mối liên quan giữa yếu tố thời gian học, đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm với kiến thức đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm ( $p=0,003$ ). **Kết luận:** Tỷ lệ đạt kiến thức và thái độ đúng của sinh viên về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm khi thực tập còn chưa cao. Cần cung cấp thêm kiến thức, rèn luyện về thái độ tích cực cho sinh viên về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm bằng tài liệu giảng dạy, tư học và hướng dẫn tại cơ sở thực hành.

**Từ khóa:** kiến thức, thái độ, sinh viên, thực tập, bệnh truyền nhiễm.

## SUMMARY

### KNOWLEDGE AND ATTITUDE TOWARD THE RISK OF INFECTIOUS DISEASES ACQUIRED WHEN PRACTICING OF NURSING AND MEDICAL LABORATORY TECHNOLOGY STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

**Objectives:** Determining the percentage of Nursing and Medical Laboratory Technology students who have the correct knowledge and attitude about the risk of contracting and preventing infectious diseases when they practice and learn some relating factors. **Materials and method:** A cross-sectional descriptive study by using a self-reported questionnaire on 297 students of Nursing and Medical Laboratory Technology in the 3rd and 4th years of Can Tho University of Medicine and Pharmacy since March to May 2022. **Results:** The percentage of students with correct general knowledge was 53.9% (160/297) and 55.6% (165/297) with correct general attitude.

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Ths. Trần Phước Thịnh

Email: tpthinh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 4.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 9.3.2023

Having a relationship between the time factor of studying, reading documents on infectious diseases and correct knowledge about the risk and prevention of infectious diseases ( $p=0.003$ ). **Conclusions:** The rate of students achieving the correct knowledge and attitude about the risk and prevention of infectious diseases during practicing is still not high. It is necessary to provide more knowledge and train on positive attitudes for students about the risk and prevention of infectious diseases by teaching documents, self-learning methods and guidance at practicing facilities.

**Keywords:** knowledge, attitude, students, practice, infectious diseases.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lây nhiễm trong các cơ sở y tế là một mối quan tâm hàng đầu trong công tác thực hành y khoa, vì khác biệt với môi trường cộng đồng, trong môi trường của cơ sở y tế là nơi tập hợp nhiều nguồn lây nhiễm kết hợp với điều kiện đặc thù như cường độ làm việc cao, trực đêm, cấp cứu sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm cho nhân viên y tế và sinh viên thực tập thông qua các đường máu, hô hấp, tiếp xúc trực tiếp [3]. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, trong tổng số 35 triệu nhân viên y tế trên thế giới, mỗi năm có 2 triệu người tiếp xúc qua da với bệnh truyền nhiễm. Trong đó, khoảng 40% bị phơi nhiễm virus viêm gan B, 40% phơi nhiễm virus viêm gan C, 2,5% phơi nhiễm HIV do tổn thương vì kim đâm. Trong dịch SARS năm 2003, có 1% ca nhiễm bệnh qua tiếp xúc là nhân viên y tế [5]. Nguy cơ lây nhiễm sẽ còn cao hơn với đối tượng là sinh viên thực tập tại các cơ sở y tế vì đây là những đối tượng còn thiếu kinh nghiệm, mệt mỏi do áp lực học tập và phải tham gia vào môi trường làm việc rất khẩn trương và có nhiều nguyên tắc phải tuân thủ. Một số nghiên cứu liên quan cho thấy chỉ có 36,8% sinh viên trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang thực hành xử lý vết thương đúng sau tổn thương [2]. Tại trường Đại học Y khoa Vinh có 63% sinh viên xử lý sai vết thương sau khi bị tổn thương [4].

Sinh viên ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học (Xét nghiệm) có thời gian thực hành lâm sàng chiếm thời lượng lớn trong chương trình đào tạo cùng với đặc thù công việc chăm sóc, thăm khám trực tiếp trên bệnh nhân

và thu thập, xử lý và phân tích mẫu bệnh phẩm nên nguy cơ tiếp xúc với các yếu tố lây nhiễm là tương đối cao. Việc tiến hành nghiên cứu về kiến thức, thái độ của sinh viên về bệnh truyền nhiễm và cách phòng ngừa để nắm bắt tình hình và có những điều chỉnh cho phù hợp trong chương trình đào tạo là hết sức cần thiết. Hiện tại, chưa có một nghiên cứu tương tự trên đối tượng sinh viên của Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Với những điều kiện trên, chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu này với các mục tiêu:

1. *Xác định tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thái độ đúng về nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm khi thực tập.*

2. *Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ đúng về nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm khi thực tập.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Sinh viên ngành Điều dưỡng và Xét nghiệm năm thứ 3, 4 hệ chính quy của trường Đại học Y Dược Cần Thơ tại thời điểm nghiên cứu từ 3/2022 đến 5/2022.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

**2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu.** Chọn toàn bộ 332 sinh viên đại học chính quy ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm y học năm thứ 3 và năm thứ 4 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, có 297 sinh viên (đạt 89,5% so với tổng số sinh viên) đồng ý tham gia được chúng tôi khảo sát và phân tích trong nghiên cứu này.

**2.2.3. Nội dung bộ câu hỏi và cách tính điểm.** Nội dung bộ câu hỏi bao gồm 3 phần:

- Phần 1 - Thông tin chung: giới tính, ngành học, năm học, yêu ngành nghề mà mình đang theo học, việc đọc tài liệu và học tập liên quan bệnh truyền nhiễm.

- Phần 2 - Kiến thức về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm, có tổng số điểm là 80 điểm: gồm 16 câu hỏi trong 3 phần (1) Kiến thức chung về bệnh truyền nhiễm, (2) Nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm khi thực hành tại cơ sở y tế và (3) Phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm và xử trí một số tình huống thường gặp. Đánh giá kiến thức chung dựa trên điểm cắt  $\geq 56$  điểm được xem là có kiến thức chung đúng.

- Phần 3 - Thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm, có tổng số điểm là 8 điểm. Đánh giá thái độ chung dựa điểm cắt  $\geq 6$  điểm được xem là có thái độ chung đúng.

Bộ câu hỏi đã được hiệu chỉnh cho phù hợp sau khi nghiên cứu thử trên 30 sinh viên trước khi tiến hành khảo sát chính thức.

**2.2.4. Phương pháp thu thập số liệu.** Dữ liệu được thu thập qua hình thức tự điền kết hợp phỏng vấn trực tiếp theo bộ câu hỏi được soạn sẵn.

**2.2.5. Phương pháp phân tích số liệu.** Số liệu được nhập và quản lý trên máy tính bằng phần mềm excel, sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích và xử lý số liệu. Tính tỷ suất chênh (OR), khoảng tin cậy (95% CI) và sử dụng phép kiểm Chi bình phương để đánh giá mối liên quan, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ .

**2.3. Đạo đức trong nghiên cứu.** Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng xét duyệt đề cương và Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Tất cả các đối tượng nghiên cứu sẽ được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung của nghiên cứu để họ tự nguyện tham gia và hợp tác trong quá trình nghiên cứu. Mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu đều được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Thông tin chung và một số thông tin liên quan đến học tập về bệnh truyền nhiễm của đối tượng nghiên cứu (n=297)**

Thông tin chung	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	67, 22,6
	Nữ	230, 77,4
Ngành học	Điều dưỡng	130, 43,8
	Xét nghiệm	167, 56,2
Năm học	Năm thứ 3	123, 41,4
	Năm thứ 4	174, 58,6
Yêu nghề	Có	264, 88,9
	Không	26, 11,1
Thời gian đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm trước khi thực tập	< 3 tháng	167, 56,2
	3 - 6 tháng	85, 28,6
	7 - 12 tháng	35, 11,8
	Chưa bao giờ đọc	9, 3,4
Đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm	Có	281, 94,6
	Không	15, 5,4

**Nhận xét:** Sinh viên nữ chiếm đa số với 77,4%. Sinh viên ngành Điều dưỡng chiếm 43,8% và Xét nghiệm chiếm 56,2%. Có 41,4% sinh viên học năm thứ ba và 58,6% năm thứ tư. Có 88,9% sinh viên trả lời yêu nghề đang theo học. Thời

gian sinh viên đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm chủ yếu trong vòng sáu tháng gần đây chiếm hơn 80%, có 3,4% sinh viên trả lời "chưa bao giờ đọc". Đa số sinh viên ghi nhớ đã từng được hướng dẫn đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm (94,6%).

**3.2. Mô tả kiến thức về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm**

**Bảng 2. Kiến thức chung về bệnh truyền nhiễm (n=297)**

Nhóm câu hỏi	Nội dung	Trả lời đúng	
		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
K1.1	Chỉ ra tác nhân gây ra bệnh truyền nhiễm	240	80,8
K1.2	Phân biệt người mang mầm bệnh, người mắc bệnh và nguy cơ lây lan khi nhiễm khuẩn của các nhóm	237	79,8
K1.3	Phân biệt bệnh truyền nhiễm với một số bệnh không truyền nhiễm thường gặp	268	90,2
K1.4	Chỉ ra các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm đã có vaccine phòng bệnh	199	67,0

**Nhận xét:** Kiến thức về phân biệt bệnh truyền nhiễm với một số bệnh không truyền nhiễm thường gặp có tỷ lệ sinh viên trả lời đúng cao nhất với 90,2%. Các câu hỏi còn lại trong phần kiến thức chung về bệnh truyền nhiễm, tỷ lệ sinh viên trả lời đúng dao động từ 67,0% đến 80,8%.

**Bảng 3. Kiến thức về nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm khi thực hành tại cơ sở y tế (n=297)**

Nhóm câu hỏi	Nội dung	Trả lời đúng	
		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
K2.1	Chỉ ra một số bệnh truyền nhiễm có nguy cơ mắc phải trong cơ sở y tế	274	92,3
K2.2	Chỉ ra các con đường lây lan bệnh truyền nhiễm	287	96,6
K2.3	Nhận định về kiến thức "các trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm có thể được phát hiện sớm thông qua các triệu chứng cụ thể"	123	41,4
K2.4	Xác định các khu vực trong cơ sở thực hành có khả năng gây lây nhiễm	243	81,8

**Nhận xét:** Ở nhóm câu hỏi chỉ ra một số bệnh truyền nhiễm có nguy cơ mắc phải trong cơ sở y tế và chỉ ra các con đường lây lan bệnh

truyền nhiễm, tỷ lệ sinh viên trả lời đúng lần lượt là 92,3% và 96,6%. Nhận định các trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm có thể được phát hiện sớm thông qua các triệu chứng cụ thể có tỷ lệ trả lời đúng chỉ đạt 41,4%.

**Bảng 4. Kiến thức về phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm và xử trí một số tình huống thường gặp liên quan đến bệnh truyền nhiễm trong cơ sở thực hành (n=297)**

Nhóm câu hỏi	Nội dung	Trả lời đúng	
		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
K3.1	Biện pháp phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	270	90,9
K3.2	Tác dụng của vaccine trong phòng ngừa bệnh truyền nhiễm đối với sinh viên thực hành tại cơ sở y tế	228	76,8
K3.3	Một số biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm dựa trên đường lây truyền qua tiếp xúc	231	77,8
K3.4	Một số biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm dựa trên đường lây truyền qua giọt bắn và qua không khí	66	22,2
K3.5	Chỉ ra được các tác nhân vi sinh vật/bệnh gây lây nhiễm qua đường giọt bắn điển hình	25	8,4
K3.6	Chỉ ra được các tác nhân vi sinh vật/bệnh gây lây nhiễm qua đường không khí điển hình	40	13,5
K3.7	Sơ cứu ngay vết thương khi bị tổn thương do vật sắc nhọn	112	37,7
K3.8	Chỉ ra người cần báo cáo khi xảy ra các sự cố liên quan đến nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm trong lúc thực hành tại cơ sở y tế	229	77,1

**Nhận xét:** Tỷ lệ sinh viên trả lời đúng về một số biện pháp phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đạt cao nhất với 90,9%. Kiến thức về các tác nhân vi sinh vật/bệnh gây lây nhiễm qua đường giọt bắn điển hình có tỉ lệ sinh viên trả lời đúng thấp nhất với 8,4%.

**Bảng 5. Kiến thức chung về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm (n=297)**

Nội dung	Trả lời đúng		
	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	
N1: Trả lời đúng $\geq 70\%$ nội dung	160	53,9	
N2: Trả lời đúng từ 50 - 69% nội dung	132	44,4	
N3: Trả lời đúng từ $\leq 49\%$ nội dung	5	1,7	
Kiến thức chung	Đúng (trả lời đúng $\geq 70\%$ )	160	53,9
	Chưa đúng (trả lời đúng $< 70\%$ )	137	46,1

**Nhận xét:** Có 160 sinh viên có kiến thức chung đúng về nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm khi tham gia thực tập tại cơ sở thực hành chiếm 53,9%. Có 137 sinh viên có kiến thức chung chưa đúng chiếm 46,1%, trong nhóm này đa số đạt mức 50 - 69% (132 sinh viên), có 5 sinh viên có số câu trả lời đúng ở mức dưới trung bình ( $\leq 49\%$ ).

### 3.3. Mô tả thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm

**Bảng 6. Thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm (n=297)**

Câu hỏi	Nội dung	Thái độ đúng	
		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
A1	Việc nhiễm các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm là không thể phòng ngừa được.	58	19,5
A2	Nhiễm các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm là tai nạn có thể xảy ra đối với sinh viên khi đi thực hành lâm sàng.	256	86,2
A3	Nguyên nhân làm gia tăng tỉ lệ lây nhiễm các tác nhân vi sinh vật cho nhân viên y tế là do thực hiện các biện pháp phòng ngừa.	178	59,9

A4	Tiêm phòng vắc-xin viêm gan B là biện pháp chủ động bảo vệ an toàn cho bản thân trước khi đi thực tập lâm sàng.	292	98,3
A5	Sau khi phơi nhiễm với kim tiêm chứa máu của người bệnh, nếu chưa tiêm phòng viêm gan B, cần tiêm phòng viêm gan B trong thời gian sớm nhất.	92	31
A6	Sau khi xảy ra sự cố có nguy cơ lây nhiễm khi thực hành lâm sàng, nhưng cá nhân cảm thấy không nghiêm trọng thì không cần thiết báo cáo với người phụ trách.	188	63,3
A7	Rất sợ hãi và lo lắng bị lây nhiễm với các tác nhân nguy hiểm như HIV, viêm gan B, viêm gan C nếu xảy ra sự cố tiếp xúc với nguồn lây các bệnh truyền nhiễm.	276	92,9
A8	Mong muốn được đào tạo thêm về kiến thức và kĩ năng về phòng và xử trí với các tình huống có nguy cơ lây nhiễm các tác nhân gây bệnh trước khi thực hành lâm sàng.	293	98,7
Thái độ chung	<b>Đúng (<math>\geq 6</math> điểm)</b>	<b>165</b>	<b>55,6</b>
	<b>Chưa đúng (<math>&lt; 6</math> điểm)</b>	<b>132</b>	<b>44,4</b>

**Nhận xét:** Có 55,6% (165/297) sinh viên được đánh giá có thái độ chung đúng và 44,4% (132/297) sinh viên có thái độ chung chưa đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm.

### 3.4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm

**Bảng 7. Mối liên quan giữa thông tin chung và một số thông tin liên quan đến học tập với kiến thức đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm (n=297)**

Nội dung		Kiến thức		Giá trị OR (95%CI)	Giá trị p*
		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)		
Giới	Nữ	38 (56,7)	29 (43,3)	1,16 (0,66 - 1,97)	0,596
	Nam	122 (53,0)	108 (47,0)		
Ngành học	Điều dưỡng	71 (54,6)	59 (45,4)	1,05 (0,69 - 1,72)	0,821
	Xét nghiệm	89 (53,3)	78 (46,7)		
Năm học	Năm thứ 3	69 (56,1)	54 (43,9)	1,17 (0,76 - 1,92)	0,518
	Năm thứ 4	91 (52,3)	83 (47,7)		
Yêu nghề	Không	142 (53,8)	122 (46,2)	0,85 (0,41 - 1,78)	0,934
	Có	15 (54,5)	11 (45,5)		

Thời gian đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm	< 3 tháng	106 (63,1)	62 (36,9)	1	<b>0,003</b>
	3-6 tháng	35 (41,2)	50 (58,8)	0,41 (0,26 – 0,76)	
	7-12 tháng	16 (45,7)	19 (54,3)	0,49 (0,24 – 1,04)	
	Chưa bao giờ đọc	3 (33,3)	6 (66,7)	0,29 (0,71 – 1,22)	
Đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm	Có	154 (54,8)	127 (45,2)	1	0,177
	Không	6 (37,5)	10 (62,5)	2,02 (0,73 – 5,80)	

**Nhận xét:** Tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức chung đúng ở các nhóm về giới tính, ngành học, năm học và sự yêu nghề tương đối đồng đều nhau (52,3% - 56,7%), không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ đạt kiến thức chung đúng của tất cả các nhóm ( $p > 0,05$ ). Nhóm sinh viên có thời gian học, đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm trong 3 tháng gần đây có tỷ lệ đạt

kiến thức đúng cao nhất (63,1%) so với sinh viên có thời gian đọc tài liệu xa hơn (41,2% - 45,7%) và chưa bao giờ đọc (33,3%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê khi  $p = 0,003$ . Tương tự, sinh viên ghi nhớ đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm chiếm có tỷ lệ đạt kiến thức đúng cao hơn, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê khi  $p > 0,05$ .

**Bảng 8. Mối liên quan giữa thông tin chung và một số thông tin liên quan đến học tập với thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm (n=297)**

Nội dung		Thái độ		Giá trị OR (95%CI)	Giá trị p*
		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)		
Giới	Nữ	37 (55,2)	30 (44,8)	0,98 (0,51 - 1,70)	0,950
	Nam	128 (55,6)	102 (44,4)		
Ngành học	Điều dưỡng	74 (56,9)	56 (43,1)	1,10 (0,57 - 1,92)	0,676
	Xét nghiệm	91 (54,5)	76 (45,5)		
Năm học	Năm thứ 3	61 (49,6)	62 (40,4)	0,68 (0,24 - 1,04)	0,101
	Năm thứ 4	103 (59,2)	71 (40,8)		
Yêu nghề	Có	143 (54,2)	121 (45,8)	0,59 (0,24 - 1,04)	0,173
	Không	22 (66,7)	11 (33,3)		
Thời gian đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm	< 3 tháng	95 (56,5)	73 (43,5)	1 (0,86 (0,54-1,60), 0,81 (0,51-1,52), 2,69 (0,73-5,80))	0,504
	3-6 tháng	45 (52,9)	40 (47,1)		
	7-12 tháng	18 (51,4)	17 (48,6)		
	Chưa bao giờ đọc	7 (77,8)	2 (22,2)		
Đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm	Có	154 (54,8)	127 (45,2)	1 (1,81 (0,56-2,42))	0,275
	Không	11 (68,7)	5 (31,3)		

**Nhận xét:** Tỷ lệ sinh viên đạt thái độ đúng giữa các nhóm giới tính, ngành học, năm học và sự yêu nghề cũng tương đối đồng đều từ 49,6% đến 66,7%, không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thái độ giữa các nhóm phân chia theo thời gian đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm và việc ghi nhớ đã từng được hướng dẫn những nội dung liên quan bệnh truyền nhiễm ( $p > 0,05$ ).

**IV. BÀN LUẬN**

**4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.** Có tất cả 297 sinh viên ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học tham gia nghiên cứu. Trong đó, nữ chiếm đa số (77,4%), ngành Điều dưỡng chiếm 43,8% và Xét nghiệm chiếm 56,2%. Về năm học có 41,4% sinh viên năm thứ ba và 58,6% sinh viên năm thứ tư. Đối với câu hỏi "Có yêu nghề mình đang theo học hay

không?" thì tỷ lệ sinh viên có yêu nghề là 88,9%, vẫn còn có 11,1% sinh viên trả lời là không yêu nghề. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu trên sinh viên Điều dưỡng tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội của tác giả Nguyễn Thị Hà năm 2019 là 85,2% [1]. Thời gian sinh viên đọc tài liệu liên quan về bệnh truyền nhiễm chủ yếu trong vòng ba tháng gần đây chiếm 56,2%. Đa số sinh viên được hướng dẫn học, đọc những kiến thức liên quan đến bệnh truyền nhiễm trong cơ sở thực hành chiếm 94,6%.

**4.2. Mô tả kiến thức về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm.** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về phân biệt bệnh truyền nhiễm với một số bệnh không truyền nhiễm thường gặp đạt 90,2%. Với các câu hỏi kiến thức về chỉ ra tác nhân gây ra bệnh truyền nhiễm, phân biệt người mang mầm bệnh, người mắc bệnh và nguy cơ lây lan khi nhiễm khuẩn

của các nhóm có tỷ lệ lần lượt là 80,8% và 79,8%. Tuy nhiên việc chỉ ra các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm đã có vaccine phòng bệnh có tỷ lệ sinh viên trả lời đúng chỉ đạt 67%, nhiều sinh viên vẫn chưa có sự quan tâm đúng mức để tìm hiểu đến các bệnh truyền nhiễm và các vaccine hiện có.

Trong các câu hỏi đánh giá kiến thức về nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm, câu hỏi liên quan đến các con đường lây lan bệnh truyền nhiễm là nội dung có tỷ lệ sinh viên trả lời đúng nhiều nhất, có 287 sinh viên và chiếm tỷ lệ 96,6%, cho thấy đa số sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về các đường lây truyền bệnh truyền nhiễm. Nội dung về các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ mắc phải trong cơ sở y tế, cũng có tỷ lệ cao sinh viên trả lời đúng đạt 92,3%. Khi sinh viên được hỏi về các khu vực có khả năng lây nhiễm trong cơ sở thực hành, tỷ lệ sinh viên có quan sát và hiểu biết về các khu vực có nguy cơ gây ra bệnh truyền nhiễm đạt 81,8%. Nhìn chung, phần lớn sinh viên có kiến thức khá tốt về nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm khi thực hành tại cơ sở y tế.

Có 90,9% (270/297) sinh viên nhận diện và trả lời đúng về biện pháp phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở thực hành (phân biệt với ngoài cộng đồng). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Mallak Alriyami và cộng sự (15,5%) [8]. Phần lớn sinh viên (76,8%) đồng ý tác dụng của vaccine trong phòng ngừa bệnh truyền nhiễm đối với sinh viên thực hành tại cơ sở y tế. Kết quả này thấp so với nghiên cứu của Colten (87,9%) [6].

Có 77,8% (231/297) sinh viên có kiến thức về một số biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm dựa trên đường lây truyền qua tiếp xúc. Tuy nhiên chỉ có 22,2% sinh viên có kiến thức về biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm dựa trên đường lây truyền qua giọt bắn và qua không khí. Ngoài ra, chỉ có 25 (8,4%) sinh viên chỉ ra được các tác nhân vi sinh vật/bệnh gây lây nhiễm qua đường giọt bắn điển hình và các tác nhân vi sinh vật/bệnh gây lây nhiễm qua đường không khí điển hình có 40 (13,5%) sinh viên chỉ ra đúng. Cho thấy kiến thức của sinh viên về các bệnh lây truyền qua đường không khí và giọt bắn còn chưa được đầy đủ.

**4.3. Mô tả thái độ về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm.** Theo kết quả của nghiên cứu trong tổng số 297 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 55,6% sinh viên có thái độ đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm khi thực tập. Kết quả này thấp hơn

so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà năm 2019 có thái độ tích cực là 77,6% [1]. Có 86,2% đồng ý việc nhiễm các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm là tai nạn thường hay xảy ra cho sinh viên khi đi thực hành lâm sàng. Có 59,9% sinh viên nhận định việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa giúp giảm lây nhiễm cho sinh viên và nhân viên y tế. Có khoảng 31% sinh viên đều đồng ý sau khi phơi nhiễm với kim tiêm chứa máu của người bệnh, nếu chưa tiêm phòng viêm gan B sẽ tiêm phòng viêm gan B trong thời gian sớm nhất. Khi được hỏi về xảy ra sự cố có nguy cơ lây nhiễm khi thực hành lâm sàng 63,3% sinh viên không đồng tình với ý kiến " cá nhân cảm thấy không nghiêm trọng thì không cần thiết báo cáo với người phụ trách/quản lý". Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của M. Al-Dabbas (27,7%) [7]. Đa số sinh viên (98,3%) đồng ý việc tiêm phòng vaccine viêm gan B là biện pháp chủ động bảo vệ an toàn cho bản thân trước khi đi thực tập lâm sàng. Đa số (98,7%) sinh viên đều muốn được đào tạo thêm về kiến thức và kỹ năng về phòng và xử trí với các tình huống có nguy cơ lây nhiễm các tác nhân gây bệnh trước khi thực hành lâm sàng.

**4.4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm**

**4.4.1. Môi liên quan giữa thông tin chung, một số thông tin liên quan đến học tập với kiến thức đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm.** Môi liên quan giữa các yếu tố giới tính, ngành học, năm học, yêu nghề và kiến thức về nguy cơ, phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm nhìn chung khi so sánh tỉ lệ kiến thức đạt giữa nam và nữ, ngành điều dưỡng và xét nghiệm, yêu nghề và không yêu nghề cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Kết quả này cho thấy sự tương đồng với nghiên cứu của Hồ Văn Luyện năm 2014 [2]. Nhóm sinh viên có thời gian học, đọc tài liệu về bệnh truyền nhiễm trong 3 tháng gần đây có kiến thức tốt hơn so với sinh viên có thời gian đọc tài liệu xa hơn và chưa bao giờ đọc. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê khi  $p = 0,003$ . Kết quả này khác với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà năm 2019 [1]. Kiến thức tốt hơn ở sinh viên có được hướng dẫn học và đọc những kiến thức liên quan tới bệnh truyền nhiễm tại cơ sở thực hành. Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,177$ .

**4.4.2. Môi liên quan giữa thông tin chung, một số thông tin liên quan đến học tập với thái độ về nguy cơ và phòng ngừa**

**mắc bệnh truyền nhiễm.** Không có sự khác biệt đáng kể khi các tỷ lệ sinh viên có thái độ đúng giữa các nhóm nam và nữ tỷ lệ lần lượt là 55,2% và 55,6% ( $p>0,05$ ). Kết quả này khác với nghiên cứu của Vũ Thị Thu Thủy trên sinh viên điều dưỡng, Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2018, trong đó sinh viên nữ có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn cao gấp 4,1 lần sinh viên nam [4]. Những thông tin còn lại cũng không cho thấy sự liên quan tới thái độ đúng về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm.

## V. KẾT LUẬN

Kiến thức và thái độ của sinh viên Điều dưỡng và Xét nghiệm năm thứ 3 và năm thứ 4 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong nghiên cứu về nguy cơ và phòng ngừa mắc bệnh truyền nhiễm còn chưa cao (53,9% và 55,6% sinh viên đạt kiến thức chung đúng và thái độ chung tích cực). Việc cung cấp thêm kiến thức, rèn luyện về thái độ tích cực cho sinh viên ở thời điểm trước khi tham gia thực hành tại cơ sở y tế là cần thiết, đơn vị đào tạo cần nghiên cứu phương pháp thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hà (2019), Kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong

tiêm truyền của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Hồ Văn Luyện (2014), Tỷ lệ sang chấn do vật sắc nhọn và kiến thức, thực hành phòng ngừa xử lý của sinh viên khoa y trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Anh Thư, Nguyễn Duy Bảo và Nguyễn Việt Hùng (2016), "Nguy cơ và thực trạng lây nhiễm nghề nghiệp của nhân viên y tế trên thế giới và tại Việt Nam", Tạp Chí Y Học Dự Phòng, 26(11), tr. 12.
- Vũ Thị Thu Thủy và Trương Tuấn Anh (2018), "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng trường đại học Y khoa Vinh năm 2018", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 1(2), tr. 84-89.
- Bonita, Ruth, Beaglehole, et al (2006), Dịch tễ học cơ bản, Tổ chức Y tế Thế giới, tr. 131.
- J.C Strickland and A.H Jennifer (2022), "Healthcare provider and medical student impressions of vaccine hesitancy in Romania", Public Health in Practice, 3, pp. 1-2.
- M. Al-Dabbas and N.M.E. Abu-Rmeileh (2012), "Needlestick injury among interns and medical students in the Occupied Palestinian Territory", Eastern Mediterranean Health Journal, 18(7), pp. 700-704.
- M. Alriyami, O.A Omari, L. Al-Daken, et al (2022), "Assessing knowledge of nosocomial infection among Omani student nurses", British Journal of Nursing, 31(2), pp. 66-70.

# KHẢO SÁT SỨC CĂNG ĐỌC TOÀN BỘ THẤT PHẢI BẰNG SIÊU ÂM ĐÁNH DẤU MÔ CƠ TIM 2D Ở BỆNH NHÂN UNG THƯ VÚ ĐIỀU TRỊ HÓA CHẤT BỔ TRỢ PHÁC ĐỒ AC-TH<sup>1</sup>

Nguyễn Thị Thu Hằng<sup>1</sup>, Đinh Thị Thu Hương<sup>2</sup>, Lê Thị Lan Hương<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Hóa chất bổ trợ phác đồ AC-TH đã mang lại hiệu quả điều trị tốt cho bệnh nhân ung thư vú, tuy nhiên cũng gây ra rối loạn chức năng tim ở các bệnh nhân này. Cho đến nay, các nghiên cứu chủ yếu đánh giá rối loạn chức năng thất trái, các hiểu biết về rối loạn chức năng thất phải còn hạn chế. Sử dụng siêu âm đánh dấu mô cơ tim 2D, trong đó đánh giá sức căng dọc toàn bộ thất phải là một chỉ số tin cậy, giúp phát hiện sớm những thay đổi của thất phải, từ đó tăng cường nhận thức trong thực hành lâm sàng. **Đối tượng và phương pháp:** Các bệnh nhân ung thư vú

điều trị hóa chất bổ trợ phác đồ AC-TH được siêu âm tim theo dõi 3 tháng/lần trong quá trình điều trị hóa chất. Với sáu lần siêu âm tim, chỉ số sức căng dọc toàn bộ thất phải (RVGLS) và sức căng dọc thành tự do thất phải (RVFWS) được khảo sát và tìm hiểu mối liên quan với độc tính lên tim của hóa chất điều trị.

**Kết quả:** Có 33 người bệnh thuộc nhóm nghiên cứu với tuổi trung bình là 45,6 ± 8,7; 100% là nữ trong đó 84,8% không có yếu tố nguy cơ tim mạch. Kết quả cho thấy RVGLS trung bình và RVFWS trung bình của 6 thời điểm theo dõi là  $-23,59 \pm 3,44\%$  và  $-25,83 \pm 3,71\%$ , giảm ở các thời điểm theo dõi, giảm rõ nhất ở thời điểm T2. Giá trị giảm ( $\Delta$ ) của RVGLS và RVFWS tương ứng là  $5,75 \pm 2,53\%$  và  $7,64 \pm 3,14\%$  và không có mối liên quan giữa RVGLS và RVFWS và độc tính cơ tim do hóa chất điều trị. **Kết luận:** Sức căng dọc toàn bộ thất phải (RVGLS) và sức căng dọc thành tự do thất phải (RVFWS) giảm trong quá trình điều trị hóa chất phác đồ AC-TH của bệnh nhân ung thư vú và chưa thấy mối liên quan giữa sự thay đổi này và độc tính cơ tim.

<sup>1</sup>Bệnh viện Hữu Nghị

<sup>2</sup>Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thu Hằng

Email: drhangnttbvnx@gmail.com

Ngày nhận bài: 9.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 10.3.2023